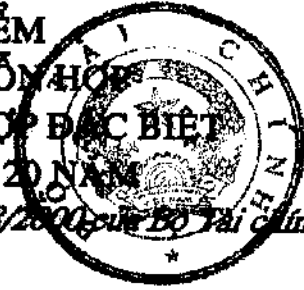


**QUI TẮC, ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM
LOẠI HÌNH BẢO HIỂM NHÂN THỌ HỖN HỢP
SẢN PHẨM BẢO HIỂM NHÂN THỌ HỖN HỢP ĐẶC BIỆT
DỰ TÍNH CÓ ĐIỀU CHỈNH THỜI HẠN 20 NĂM**

(Ban hành kèm theo công văn số 3365 TC/TCNH ngày 18/8/2000 của Bộ Tài chính)



**CHƯƠNG 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Định nghĩa

- 1.1 Công ty: là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bảo hiểm Quốc tế Mỹ (Việt Nam), Giấy phép đầu tư số 2152-GP ngày 22 tháng 2 năm 2000, có trụ sở đăng ký tại tầng 7 tòa nhà Saigon Center, số 65 đại lộ Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- 1.2 Người tham gia bảo hiểm (chủ hợp đồng): là cá nhân hiện đang cư trú tại Việt Nam từ 18 tuổi trở lên tại thời điểm nộp hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có yêu cầu bảo hiểm và đã nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên như được qui định tại điểm 2.1.
- 1.3 Người được bảo hiểm: là cá nhân hiện đang cư trú tại Việt Nam từ 0 đến 70 tuổi vào ngày có hiệu lực của hợp đồng và được Công ty chấp thuận bảo hiểm.
- 1.4 Người thụ hưởng: là người (hoặc những người) được chủ hợp đồng chỉ định để nhận quyền lợi bảo hiểm khi người được bảo hiểm chết.
- 1.5 Tuổi bảo hiểm: là tuổi của người được bảo hiểm vào ngày có hiệu lực của hợp đồng tính theo lần sinh nhật vừa qua và được dùng để tính phí bảo hiểm.
- 1.6 Ngày có hiệu lực của hợp đồng: nếu hồ sơ yêu cầu bảo hiểm được Công ty chấp thuận, ngày có hiệu lực của hợp đồng là ngày chủ hợp đồng hoàn tất hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và nộp đủ phí bảo hiểm đầu tiên như được qui định tại điểm 2.1. Ngày có hiệu lực của hợp đồng được thể hiện trong Phụ lục của hợp đồng.

Ngày có hiệu lực của hợp đồng là ngày dùng để xác định mức phí bảo hiểm và các ngày đến hạn nộp phí bảo hiểm, các ngày kỷ niệm hợp đồng, các năm hợp đồng và ngày đáo hạn.

- 1.7 Ngày kỷ niệm hợp đồng: là ngày kỷ niệm hàng năm của ngày có hiệu lực của hợp đồng.
- 1.8 Năm hợp đồng: là khoảng thời gian một năm kể từ ngày có hiệu lực của hợp đồng hay bất kỳ năm liên tục tiếp theo nào tính từ ngày kỷ niệm hợp đồng.
- 1.9 Số tiền bảo hiểm gốc: là số tiền bảo hiểm ban đầu của hợp đồng bảo hiểm chính khi phát hành hợp đồng bảo hiểm và được thể hiện trong Phụ lục của hợp đồng. Nếu sau đó số tiền bảo hiểm gốc bị thay đổi theo các qui tắc điều khoản của hợp đồng bảo hiểm thì số tiền được điều chỉnh đó sẽ trở thành số tiền bảo hiểm gốc.
- 1.10 Số tiền bảo hiểm năm hiện tại: là số tiền bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm chính áp dụng đối với một năm hợp đồng cụ thể. Số tiền bảo hiểm năm hiện tại của năm hợp đồng thứ nhất và thứ hai bằng với số tiền bảo hiểm gốc.
- 1.11 Giá trị giải ước: là tổng số tiền mà chủ hợp đồng sẽ được hoàn trả, trước khi bị khấu trừ, khi có yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Hợp đồng bảo hiểm có giá trị giải ước sau khi đã có hiệu lực trong hai năm hợp đồng và phí bảo hiểm cho hai năm đó đã được nộp đủ.
- 1.12 Giá trị tiền mặt: là giá trị thuần của giá trị giải ước sau khi khấu trừ các khoản tạm ứng từ giá trị giải ước và khoản giảm thu nhập đầu tư chưa hoàn trả, các khoản phí bảo hiểm quá hạn và khoản tiền khác còn nợ Công ty (ví dụ khấu trừ theo qui định tại điểm 8.6 hoặc điểm 14.1) theo hợp đồng.
- 1.13 Hợp đồng có số tiền bảo hiểm giảm: khi hợp đồng bảo hiểm đã có giá trị giải ước, chủ hợp đồng có thể dùng đóng phí bảo hiểm và tiếp

tục duy trì hợp đồng bảo hiểm với số tiền bảo hiểm gốc thấp hơn gọi là hợp đồng có số tiền bảo hiểm giảm.

- 1.14 Khoản giảm thu nhập đầu tư: là số tiền thu nhập từ hoạt động đầu tư bị giảm do tạm ứng từ giá trị giải ước và phí bảo hiểm quá hạn. Khoản giảm thu nhập đầu tư được tính bằng phần trăm của số tiền tạm ứng từ giá trị giải ước và phí bảo hiểm quá hạn dựa trên giả định kỹ thuật của lãi suất đầu tư.
- 1.15 Không chia lãi: là loại hợp đồng bảo hiểm không tham gia vào việc phân chia lợi nhuận của Công ty và sẽ không được trả lãi cũng như thưởng dưới bất kỳ hình thức nào.
- 1.16 Phụ lục hợp đồng: là trang đính kèm với hợp đồng, thể hiện các chi tiết về hợp đồng và là một phần không tách rời của hợp đồng.
- 1.17 Tai nạn: là một hay một chuỗi các sự kiện liên quan đến sự tác động bất ngờ không chủ định từ bên ngoài lên cơ thể người được bảo hiểm gây ra tử vong hay thương tật ngoại trừ bất cứ trạng thái nào xảy ra tự nhiên, do tuổi tác hay quá trình thoái hóa. Sự kiện hoặc chuỗi sự kiện nêu trên phải là nguyên nhân trực tiếp và độc lập gây ra tử vong hay thương tật cho người được bảo hiểm trong vòng 90 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện hay chuỗi sự kiện đó.
- 1.18 Ngày đáo hạn: là ngày kết thúc thời hạn hợp đồng bảo hiểm.

Điều 2: Thủ tục tham gia bảo hiểm

- 2.1 Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ hợp đồng phải điền đầy đủ và trung thực vào hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, nộp bản sao giấy khai sinh của người dự định được bảo hiểm, bản sao giấy khai sinh hoặc bản sao chứng minh thư hoặc bản sao sổ hộ khẩu của chủ hợp đồng và nộp phí bảo hiểm đầu tiên bằng với khoản phí bảo hiểm kỳ đầu tiên (hoặc hai kỳ phí bảo hiểm nếu hợp đồng bảo hiểm được trả theo tháng).
- 2.2 Để được chấp nhận bảo hiểm, chủ hợp đồng phải có bằng chứng về quyền lợi có thể bảo hiểm đối với người dự định được bảo hiểm, như các quan hệ sau:

- bản thân
- vợ hoặc chồng, con hoặc cha mẹ của người dự định được bảo hiểm
- anh chị em ruột của người dự định được bảo hiểm
- người giám hộ hợp pháp
- người khác, nếu người đó phải chịu tổn thất tài chính khi người dự định được bảo hiểm chết và đã có sự đồng ý bằng văn bản của người dự định được bảo hiểm (hoặc là cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người dự định được bảo hiểm, nếu thích hợp).

2.3 Công ty sẽ không tiến hành bảo hiểm cho trẻ em dưới 16 tuổi trừ khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em đó.

Nếu người dự định được bảo hiểm từ 16 tuổi trở lên và không phải là chủ hợp đồng, thì hồ sơ yêu cầu bảo hiểm cần phải có đồng ý trước bằng văn bản của người dự định được bảo hiểm (hoặc, tùy từng trường hợp, cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người dự định được bảo hiểm)

Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm có chữ ký của cha, mẹ hay người giám hộ hợp pháp của người dự định được bảo hiểm, tùy từng trường hợp, được coi là sự đồng ý bằng văn bản.

Điều 3: Thời hạn hợp đồng

Thời hạn hợp đồng bảo hiểm là 20 năm kể từ ngày có hiệu lực của hợp đồng.

Điều 4: Bảo hiểm tạm thời

4.1 Sau khi hồ sơ yêu cầu bảo hiểm được hoàn tất và phí bảo hiểm đầu tiên như qui định tại điểm 2.1 đã được nộp đủ, Công ty sẽ cấp bảo hiểm tạm thời trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực của hợp đồng cho trường hợp người dự định được bảo hiểm tử vong do tai nạn với số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng Việt Nam hoặc bằng số tiền bảo hiểm gốc, lấy số nào nhỏ hơn. Nếu sau 30 ngày Công ty vẫn không thể hoàn tất việc thẩm định hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, bảo hiểm tạm thời này sẽ tự động được gia hạn. Trong mọi

trường hợp, bảo hiểm tạm thời này sẽ chấm dứt ngay khi hồ sơ yêu cầu bảo hiểm được chấp thuận hay bị từ chối.

- 4.2 Quyền lợi bảo hiểm theo bảo hiểm tạm thời này chỉ được thanh toán khi người dự định được bảo hiểm đáp ứng các yêu cầu bảo hiểm với các điều kiện chuẩn và khoản phí bảo hiểm đầu tiên như được qui định tại điểm 2.1, đã được trả bằng tiền mặt, séc hay bất kỳ hình thức nào khác được ngân hàng chấp nhận.
- 4.3 Nếu hồ sơ yêu cầu bảo hiểm bị từ chối hay người dự định được bảo hiểm tự tử, Công ty sẽ chỉ hoàn lại khoản phí bảo hiểm đầu tiên trên, không có lãi.

Điều 5: Các qui định chung khác

- 5.1 Chủ hợp đồng có nghĩa vụ điền đầy đủ và trung thực vào hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và tuân thủ mọi điều kiện qui định trong hợp đồng bảo hiểm.
- 5.2 Nếu chủ hợp đồng vi phạm các nghĩa vụ qui định tại điểm 5.1, hợp đồng bảo hiểm sẽ bị chấm dứt tính từ ngày có hiệu lực của hợp đồng và Công ty sẽ hoàn lại phí bảo hiểm, không có lãi, sau khi đã trừ đi các chi phí kiểm tra y tế và các khoản bồi thường đã trả khác, nếu có.
- 5.3 Chuyển nhượng hay chuyển giao hợp đồng bảo hiểm: Trong thời gian người được bảo hiểm còn sống và hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực, chủ hợp đồng có thể chuyển nhượng hay chuyển giao toàn bộ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho người khác. Sau khi tiến hành việc chuyển nhượng hay chuyển giao đó, người được chuyển nhượng/chuyển giao sẽ trở thành chủ hợp đồng mới và kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ của người chuyển nhượng/chuyển giao theo qui định của hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, người được bảo hiểm sẽ không thay đổi.

Việc chuyển nhượng hay chuyển giao hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực khi được thực hiện phù hợp với pháp luật của Việt Nam tại thời điểm chuyển nhượng hay chuyển giao đó. Ngoài ra, yêu cầu chuyển

nhượng hay chuyển giao hợp đồng bảo hiểm phải được làm thành văn bản gửi đến Công ty và phải được Công ty chấp thuận.

Công ty sẽ không chịu trách nhiệm về tính hiệu lực, tính hợp pháp hoặc sự đầy đủ của bất kỳ việc chuyển nhượng hay chuyển giao nào giữa chủ hợp đồng và người được chuyển nhượng/chuyển giao.

- 5.4 **Khấu trừ từ các khoản tiền bảo hiểm:** Công ty sẽ khấu trừ tất cả những khoản tạm ứng mà chủ hợp đồng đã nhận từ giá trị giải ước và khoản giảm thu nhập đầu tư, phí bảo hiểm quá hạn hay các khoản tiền khác mà chủ hợp đồng còn nợ Công ty (ví dụ khoản khấu trừ như qui định tại điểm 8.6 hoặc điểm 14.1) trước khi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào. Công ty có quyền ưu tiên hơn so với bất kỳ chủ nợ, chủ hợp đồng, người được chuyển giao hay bất kỳ bên có quyền lợi liên quan khác để yêu cầu giải quyết bất kỳ khoản khấu trừ nào nêu trên.
- 5.5 **Miễn truy xét:** Trừ trường hợp gian dối và phụ thuộc vào Điều 14 dưới đây, khi người được bảo hiểm còn sống, các nội dung kê khai không chính xác hoặc bị bỏ sót trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm sẽ không bị truy xét sau khi hợp đồng đã có hiệu lực hai năm kể từ ngày Công ty chấp nhận hồ sơ yêu cầu bảo hiểm hoặc lần phục hồi sau cùng của hợp đồng bảo hiểm, tùy thuộc vào ngày nào xảy ra sau. Điều khoản này sẽ không áp dụng cho các sản phẩm bổ sung đính kèm cung cấp các quyền lợi bảo hiểm tai nạn hay tàn tật.

Gian dối là việc cố tình khai báo hay bỏ sót những thông tin mà nếu biết được về những thông tin đó, Công ty sẽ từ chối bảo hiểm hoặc nhận bảo hiểm với mức phí bảo hiểm cao hơn.

CHƯƠNG 2

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN (HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CHÍNH)

Điều 6: Quyền lợi bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm chính là loại bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp đặc biệt dự tính có điều chỉnh thời hạn 20 năm không chia lãi, đáo hạn vào ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 20 ("Ngày đáo hạn"). Kể từ ngày Công ty chấp

thuận hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm cung cấp các quyền lợi sau:

6.1 Số tiền bảo hiểm tăng

Số tiền bảo hiểm năm hiện tại tương ứng của năm hợp đồng thứ nhất và thứ hai sẽ bằng với số tiền bảo hiểm gốc. Trong thời hạn có hiệu lực của hợp đồng, kể từ năm hợp đồng thứ ba trở đi cho đến trước ngày đáo hạn, số tiền bảo hiểm năm hiện tại của hợp đồng sẽ được tăng 2% mỗi năm tính trên số tiền bảo hiểm gốc vào đúng ngày kỷ niệm hợp đồng hàng năm.

6.2 Khi hợp đồng bảo hiểm đáo hạn

Nếu người được bảo hiểm còn sống và hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực vào ngày đáo hạn, Công ty sẽ trả số tiền bảo hiểm năm hiện tại áp dụng vào ngày đáo hạn.

6.3 Trường hợp người được bảo hiểm chết

Nếu người được bảo hiểm chết trước ngày đáo hạn, trong khi hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực, Công ty sẽ trả số tiền bảo hiểm năm hiện tại áp dụng cho năm hợp đồng mà vào năm đó người được bảo hiểm chết.

6.4 Giới hạn quyền lợi bảo hiểm đối với trẻ em

Nếu người được bảo hiểm là trẻ em thì quyền lợi bảo hiểm được trả trong trường hợp người được bảo hiểm chết được qui định như sau:

**Tuổi của người
được bảo hiểm
vào thời điểm chết**

Quyền lợi bảo hiểm

Dưới 1 tuổi	20% Số tiền bảo hiểm năm hiện tại được trả
Dưới 2 tuổi	40% Số tiền bảo hiểm năm hiện tại được trả
Dưới 3 tuổi	60% Số tiền bảo hiểm năm hiện tại được trả
Dưới 4 tuổi	80% Số tiền bảo hiểm năm hiện tại được trả
Từ 4 tuổi trở lên	100% Số tiền bảo hiểm năm hiện tại được trả

6.5 Thanh toán tiền mặt định kỳ

Khi hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực và trong suốt thời gian người được bảo hiểm còn sống, công ty sẽ thanh toán một khoản tiền mặt bằng 15% số tiền bảo hiểm gốc vào ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 5 và vào mỗi 5 năm sau đó. Khoản thanh toán này không làm giảm số tiền bảo hiểm gốc hoặc số tiền bảo hiểm năm hiện tại trong trường hợp người được bảo hiểm chết.

6.6 Khoản tạm ứng từ giá trị giải ước

Nếu hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực và có giá trị giải ước, chủ hợp đồng có thể nhận một khoản tạm ứng không quá 80% giá trị giải ước hay giá trị tiền mặt, tùy thuộc vào giá trị nào nhỏ hơn. Khoản giảm thu nhập đầu tư kể từ ngày chủ hợp đồng nhận khoản tạm ứng sẽ được Công ty khấu trừ vào giá trị giải ước của hợp đồng bảo hiểm.

Chủ hợp đồng có thể hoàn trả số tiền tạm ứng đã nhận và khoản giảm thu nhập đầu tư vào bất cứ lúc nào. Số tiền hoàn trả tối thiểu mỗi lần là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng Việt Nam, hay toàn bộ số tiền tạm ứng và khoản giảm thu nhập đầu tư còn lại nếu thấp hơn 500.000 (năm trăm nghìn) đồng Việt Nam. Công ty sẽ khấu trừ số tiền tạm ứng và khoản giảm thu nhập đầu tư vào bất kỳ khoản tiền nào mà Công ty phải trả theo hợp đồng bảo hiểm.

Nếu số tiền tạm ứng (bao gồm cả khoản tạm ứng phí bảo hiểm tự động) và khoản giảm thu nhập đầu tư cùng với các khoản phí bảo

hiểm quá hạn và các khoản khác còn nợ Công ty (ví dụ như qui định tại điểm 14.1) vượt quá giá trị giải ước, hợp đồng bảo hiểm sẽ bị chấm dứt. Trong trường hợp này, chủ hợp đồng sẽ không được nhận giá trị giải ước hay giá trị tiền mặt.

Điều 7: Điều khoản loại trừ

Những loại trừ bảo hiểm – Trường hợp chết

Vào mọi thời điểm, không quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả ngoại trừ việc hoàn lại toàn bộ số phí bảo hiểm đã đóng không có lãi nếu sự kiện được bảo hiểm xảy ra do hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của bất kỳ lý do nào dưới đây:

- tự tử trong vòng 24 tháng kể từ ngày có hiệu lực của hợp đồng hay từ ngày của lần phục hồi sau cùng, tùy thuộc ngày nào xảy ra sau; hoặc
- nhiễm HIV hay AIDS; hoặc
- các hành vi phạm tội của chủ hợp đồng, người được bảo hiểm hay người thụ hưởng vi phạm các qui định và pháp luật của Việt Nam, hoặc nếu hành vi phạm tội được thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam vi phạm các qui định và pháp luật của nước sở tại.

CHƯƠNG 3 SỐ TIỀN BẢO HIỂM VÀ PHÍ BẢO HIỂM

Điều 8: Số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm

- 8.1 Số tiền bảo hiểm gốc và số phí bảo hiểm theo yêu cầu được qui định trong Phụ lục của hợp đồng. Phí bảo hiểm có thể đóng theo năm, nửa năm, hàng quý hay hàng tháng. Chủ hợp đồng sẽ chịu các khoản thuế trên phí bảo hiểm và thuế phát hành hợp đồng bảo hiểm (nếu có).
- 8.2 Số tiền bảo hiểm gốc tối thiểu là 10.000.000 (mười triệu) đồng Việt Nam; và tối đa là 7.000.000.000 (bảy tỷ) đồng Việt Nam phụ thuộc vào việc thẩm định năng lực tài chính và sự chấp thuận của công ty tái bảo hiểm. Chỉ áp dụng các mức số tiền bảo hiểm gốc chặn đến 500.000 (năm trăm nghìn) đồng Việt Nam.

- 8.3 Cách thức nộp phí bảo hiểm được qui định trong Phụ lục của hợp đồng. Chủ hợp đồng có quyền yêu cầu thay đổi cách thức nộp phí bảo hiểm vào các ngày kỷ niệm hợp đồng, tùy thuộc vào yêu cầu về mức phí bảo hiểm tối thiểu như được qui định trong hợp đồng bảo hiểm và sự chấp thuận của Công ty. Yêu cầu thay đổi cách thức nộp phí bảo hiểm phải làm thành văn bản và gửi tới Công ty chậm nhất 30 ngày trước ngày kỷ niệm hợp đồng tiếp theo.

Mức phí bảo hiểm tối thiểu của sản phẩm bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp đặc biệt dự tính có điều chỉnh thời hạn 20 năm là 834.000 (tám trăm ba mươi tư nghìn) đồng Việt Nam nếu phí bảo hiểm được nộp theo năm, 426.000 (bốn trăm hai mươi sáu nghìn) đồng Việt Nam nếu phí bảo hiểm được nộp nửa năm một lần, 217.000 (hai trăm mười bảy nghìn) đồng Việt Nam nếu phí bảo hiểm được nộp hàng quý và 74.000 (bảy mươi tư nghìn) đồng Việt Nam nếu phí bảo hiểm được nộp hàng tháng. Mức phí bảo hiểm tối thiểu được xác định trên cơ sở xem xét chi phí cho từng hợp đồng bảo hiểm và thông lệ trên thị trường.

- 8.4 Các trường hợp dưới chuẩn và phí bảo hiểm phụ trội

Công ty sẽ tính phí bảo hiểm để phù hợp với các rủi ro được bảo hiểm.

Trong quá trình thẩm định, các cá nhân sẽ được xếp thành nhóm. Nhân viên thẩm định sẽ đánh giá các thành viên của mỗi nhóm để đảm bảo mức rủi ro tử vong và thương tật tương tự nhau. Tất cả các thành viên của mỗi nhóm sẽ được tính mức phí bảo hiểm tương ứng với mỗi độ tuổi. Phần lớn các cá nhân sẽ được xếp theo nhóm chuẩn để tính mức phí chuẩn phải nộp.

Những cá nhân được đánh giá là có mức rủi ro cao hơn so với nhóm chuẩn sẽ được xếp vào nhóm có mức rủi ro tương tự và phải trả phí bảo hiểm phụ trội so với nhóm chuẩn. Mức phí bảo hiểm này sẽ tỉ lệ thuận với mức tăng rủi ro. Rủi ro tử vong hay thương tật tăng so với mức rủi ro chuẩn khi có các điều kiện hay hoạt động như:

- các bệnh như tiểu đường và tim
- những nghề nghiệp nguy hiểm như thợ mỏ và thợ hàn
- các sở thích nguy hiểm như nhảy dù hay lặn có bình dưỡng khí
- bất kỳ điều kiện và hoạt động nào khác làm tăng mức rủi ro.

Số phí bảo hiểm phụ trội sẽ không thay đổi ngoại trừ đối với các loại hợp đồng và sản phẩm bổ sung có thể được tái tục.

- 8.5 Công ty sẽ gửi thông báo nhắc chủ hợp đồng về việc nộp phí bảo hiểm. Tuy nhiên, chủ hợp đồng có trách nhiệm nộp phí bảo hiểm vào hoặc trước ngày đến hạn ngay cả khi chủ hợp đồng chưa nhận được thông báo.
- 8.6 Khi nhận quyền lợi bảo hiểm, nếu chủ hợp đồng không nộp đủ phí bảo hiểm cho toàn bộ năm hợp đồng, phần phí bảo hiểm còn thiếu của năm hợp đồng đó sẽ được khấu trừ vào quyền lợi bảo hiểm được trả.
- 8.7 Chủ hợp đồng có thể ủy quyền cho người khác nộp phí bảo hiểm thay mình.

Điều 9: Thời gian ân hạn

- 9.1 Quá thời hạn nộp phí bảo hiểm, nếu chủ hợp đồng không nộp phí bảo hiểm đến hạn, Công ty sẽ thông báo bằng văn bản đến chủ hợp đồng về khoản phí bảo hiểm quá hạn và tình trạng của hợp đồng bảo hiểm.
- 9.2 Trong trường hợp chủ hợp đồng không nộp phí bảo hiểm theo yêu cầu như đã thoả thuận khi đến hạn, Công ty cho phép một khoảng thời gian ân hạn là 31 ngày kể từ ngày đến hạn nộp phí bảo hiểm.
- 9.3 Sau khi thời gian ân hạn nộp phí bảo hiểm như qui định tại điểm 9.2 đã hết, nếu chủ hợp đồng không nộp khoản phí bảo hiểm đến hạn, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt và không còn giá trị, trừ trường hợp được qui định tại Điều 10.

Điều 10: Sử dụng giá trị giải ước để nộp phí bảo hiểm tự động

- 10.1 Nếu chủ hợp đồng không thanh toán khoản phí bảo hiểm đến hạn, và không yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm khi hết thời gian ân hạn, và hợp đồng bảo hiểm đã có giá trị giải ước, Công ty sẽ tự động tạm ứng từ giá trị giải ước số tiền bằng với khoản phí bảo hiểm đến hạn để đóng phí bảo hiểm. Khoản tạm ứng này không phụ thuộc vào giới hạn 80% của giá trị giải ước hoặc giá trị tiền mặt như được qui định tại điểm 6.6.
- 10.2 Chủ hợp đồng có thể hoàn trả số tiền tạm ứng từ giá trị giải ước và khoản giảm thu nhập đầu tư vào bất cứ lúc nào, theo qui định tại điểm 6.6 ở trên.

Công ty sẽ khấu trừ số tiền tạm ứng từ giá trị giải ước và khoản giảm thu nhập đầu tư vào bất kỳ số tiền nào mà Công ty phải chi trả cho chủ hợp đồng.

- 10.3 Nếu số tiền tạm ứng từ giá trị giải ước (bao gồm cả khoản tạm ứng phí bảo hiểm tự động) cộng với khoản giảm thu nhập đầu tư, cùng với phí bảo hiểm quá hạn và bất kỳ khoản tiền nào khác còn nợ Công ty (ví dụ như qui định tại điểm 14.1) vượt quá giá trị giải ước, hợp đồng bảo hiểm sẽ bị chấm dứt. Trong trường hợp này, chủ hợp đồng không được nhận lại giá trị giải ước của hợp đồng bảo hiểm.

CHƯƠNG 4 THAY ĐỔI LOẠI HÌNH BẢO HIỂM VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Điều 11: Từ chối tham gia bảo hiểm

Nếu chủ hợp đồng quyết định rằng hợp đồng bảo hiểm này không thích hợp với nhu cầu của mình, chủ hợp đồng có quyền từ chối tham gia bảo hiểm trong vòng 21 ngày kể từ ngày có hiệu lực của hợp đồng. Công ty sẽ hoàn lại số phí bảo hiểm mà chủ hợp đồng đã đóng, không có lãi, sau khi trừ đi các chi phí kiểm tra y tế và bất cứ khoản bồi thường đã trả nào, nếu có.

Điều 12: Những thay đổi liên quan đến hợp đồng bảo hiểm

- 12.1 Chủ hợp đồng có thể yêu cầu giảm số tiền bảo hiểm gốc. Phí bảo hiểm và các qui tắc điều khoản khác có liên quan của hợp đồng bảo hiểm sẽ được điều chỉnh tương ứng với số tiền bảo hiểm gốc mới. Mức phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm gốc mới phải bằng hoặc cao hơn mức tối thiểu theo qui định trong hợp đồng bảo hiểm.
- 12.2 Chủ hợp đồng có thể dừng nộp phí bảo hiểm và duy trì hợp đồng bảo hiểm với số tiền bảo hiểm gốc giảm sau khi hợp đồng bảo hiểm đã có giá trị giải ước. Chủ hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho Công ty yêu cầu dừng nộp phí bảo hiểm và duy trì hợp đồng bảo hiểm có số tiền bảo hiểm giảm chậm nhất 30 ngày trước ngày đến hạn nộp phí bảo hiểm tiếp theo. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ hợp đồng, Công ty sẽ thông báo cho chủ hợp đồng bằng văn bản về số tiền bảo hiểm gốc giảm tại thời điểm dừng nộp phí bảo hiểm và các thay đổi tương ứng có liên quan dưới đây.

Khi hợp đồng bảo hiểm trở thành hợp đồng bảo hiểm có số tiền bảo hiểm giảm:

- Chủ hợp đồng sẽ không được tạm ứng từ giá trị giải ước;
- Tất cả các sản phẩm bảo hiểm bổ sung đi kèm với hợp đồng bảo hiểm chính sẽ tự động chấm dứt.

- 12.3 Trong trường hợp chủ hợp đồng không phải là người được bảo hiểm, khi chủ hợp đồng chết trong thời hạn hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, người thừa kế hợp pháp của chủ hợp đồng có quyền thừa kế toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của chủ hợp đồng liên quan đến hợp đồng bảo hiểm với điều kiện người thừa kế hợp pháp của chủ hợp đồng phải đáp ứng mọi qui tắc điều khoản áp dụng cho chủ hợp đồng.

Nếu điều kiện nêu trên không được đáp ứng, hợp đồng bảo hiểm sẽ bị chấm dứt và Công ty sẽ hoàn trả cho người thừa kế hợp pháp của chủ hợp đồng giá trị tiền mặt tính đến ngày chủ hợp đồng chết.

- 12.4 Chủ hợp đồng có thể yêu cầu bằng văn bản để tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung không chậm hơn 30 ngày trước ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp, nếu:

- công ty có cung cấp sản phẩm bổ sung đó;
- chủ hợp đồng và người được bảo hiểm đủ điều kiện tham gia bảo hiểm;
- chủ hợp đồng đồng ý trả thêm phí bảo hiểm cho sản phẩm bổ sung đó.

12.5 Phục hồi hợp đồng bảo hiểm

Nếu hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt do việc không đóng phí bảo hiểm, chủ hợp đồng có thể yêu cầu phục hồi hợp đồng bảo hiểm, nếu đáp ứng được tất cả các điều kiện sau:

- chủ hợp đồng đưa ra yêu cầu phục hồi hợp đồng bằng văn bản trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt lần sau cùng;
- chủ hợp đồng đóng tất cả các khoản phí bảo hiểm quá hạn và hoàn trả khoản giảm thu nhập đầu tư;
- trả lại hoặc phục hồi khoản tạm ứng từ giá trị giải ước và khoản giảm thu nhập đầu tư;
- nộp giấy chứng nhận tình trạng sức khoẻ và nghề nghiệp hiện tại của người được bảo hiểm (và chủ hợp đồng nếu thích hợp);
- chủ hợp đồng và người được bảo hiểm đáp ứng mọi điều kiện để có thể được bảo hiểm.

Nếu chủ hợp đồng và người được bảo hiểm đáp ứng mọi điều kiện có thể được bảo hiểm và nếu được Công ty chấp thuận, hợp đồng bảo hiểm chính và các sản phẩm bổ sung có thể được phục hồi như mức cũ về mặt quyền lợi bảo hiểm và phí bảo hiểm với cùng các qui tắc điều khoản của hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt. Việc phục hồi hợp đồng bảo hiểm chỉ bảo hiểm cho những tổn thất hoặc sự kiện được bảo hiểm xảy ra sau ngày phục hồi hợp đồng bảo hiểm.

12.6 Trong thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trong khi người được bảo hiểm còn sống, chủ hợp đồng có thể thay đổi người thụ hưởng.

12.7 Nếu người được bảo hiểm thay đổi nơi cư trú, chủ hợp đồng phải thông báo cho Công ty bằng văn bản. Nếu người được bảo hiểm

không còn cư trú tại Việt Nam, Công ty có thể tăng phí bảo hiểm (bằng cách tham chiếu mức phí bảo hiểm của Công ty áp dụng cho quốc gia/vùng cư trú mới) hoặc chấm dứt hợp đồng bảo hiểm và hoàn lại giá trị tiền mặt, nếu có.

- 12.8 Chủ hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho Công ty bất cứ thay đổi nào về điều kiện của hợp đồng bảo hiểm như qui định tại điểm từ 12.1 đến 12.7. Các qui tắc điều khoản mới của hợp đồng bảo hiểm sẽ được áp dụng và trở thành một phần không thể tách rời của hợp đồng bảo hiểm sau khi Công ty chấp thuận các thay đổi.
- 12.9 Trong thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, Công ty sẽ không có quyền thay đổi bất kỳ qui tắc điều khoản nào của hợp đồng bảo hiểm trừ khi được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ hợp đồng. Tất cả những thay đổi này sau khi được chấp thuận sẽ trở thành một phần không thể tách rời của hợp đồng bảo hiểm.

Điều 13: Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

Chủ hợp đồng có thể yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản cho Công ty và gửi lại hợp đồng bảo hiểm gốc để nhận được giá trị tiền mặt tại thời điểm hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt nếu hợp đồng bảo hiểm có giá trị tiền mặt.

Điều 14: Giải quyết các trường hợp nhầm lẫn khi kê khai tuổi và/hoặc giới tính

- 14.1 Nếu phí bảo hiểm đã nộp thấp hơn số phí bảo hiểm tính theo tuổi và/hoặc giới tính đúng, Công ty sẽ điều chỉnh lại số tiền bảo hiểm tương ứng với số phí bảo hiểm đã nộp và chủ hợp đồng vẫn tiếp tục đóng phí bảo hiểm theo mức phí bảo hiểm cũ.
- 14.2 Nếu số phí bảo hiểm đã nộp cao hơn số phí bảo hiểm tính theo tuổi và/hoặc giới tính đúng, Công ty sẽ hoàn lại cho chủ hợp đồng phần phí bảo hiểm nộp thừa, không có lãi.
- 14.3 Nếu theo tuổi và/hoặc giới tính đúng, người được bảo hiểm không thể được bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm được xem như là chấm dứt tính

từ ngày có hiệu lực của hợp đồng và Công ty sẽ hoàn lại tất cả phí bảo hiểm đã đóng không có lãi, sau khi đã trừ đi các chi phí giám định y tế và các khoản tiền bảo hiểm đã trả, nếu có.

CHƯƠNG 5 THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Điều 15: Khi hợp đồng bảo hiểm đáo hạn

15.1 Công ty sẽ trả quyền lợi bảo hiểm cho:

- Chủ hợp đồng, nếu hợp đồng bảo hiểm chưa được chuyển nhượng hoặc chuyển giao; hoặc
- Người được chuyển nhượng hoặc người được chuyển giao nếu hợp đồng bảo hiểm đã được chuyển nhượng hoặc chuyển giao.

15.2 Thủ tục giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Trong thời gian sớm nhất có thể, người yêu cầu quyền lợi bảo hiểm phải gửi cho Công ty những giấy tờ sau đây:

- Đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã được điền đầy đủ và chính xác;
- Bản gốc hợp đồng bảo hiểm.

Công ty bảo lưu quyền yêu cầu người yêu cầu quyền lợi bảo hiểm cung cấp các giấy tờ hoặc bằng chứng bổ sung nhằm tạo điều kiện để Công ty làm rõ nội dung trên. Chi phí cho việc cung cấp các giấy tờ này sẽ do người yêu cầu quyền lợi bảo hiểm chịu.

15.3 Thời hạn nộp yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Thời hạn nộp yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm là trong vòng 24 tháng kể từ ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm.

Điều 16: Trường hợp người được bảo hiểm chết

16.1 Người thụ hưởng

Công ty sẽ trả quyền lợi bảo hiểm cho (những) người thụ hưởng được ghi tên trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm hoặc bất kỳ sửa đổi nào sau đó của chủ hợp đồng:

- nếu bất kỳ người thụ hưởng nào chết trước người được bảo hiểm, phần quyền lợi bảo hiểm của người đó sẽ được trả cho chủ hợp đồng hoặc người thừa kế hợp pháp của chủ hợp đồng;
- nếu không có người thụ hưởng nào được chỉ định, hoặc toàn bộ những người thụ hưởng đều chết trước người được bảo hiểm, quyền lợi bảo hiểm sẽ được trả cho chủ hợp đồng hoặc người thừa kế hợp pháp của chủ hợp đồng.

16.2 Thủ tục giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Người yêu cầu quyền lợi bảo hiểm phải thông báo yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm và gửi các bằng chứng về tổn thất tới Công ty trong thời gian sớm nhất có thể, gồm những giấy tờ sau đây:

- đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã được điền đầy đủ và chính xác;
- bản gốc hợp đồng bảo hiểm;
- bằng chứng về quyền nhận quyền lợi bảo hiểm như thư uỷ quyền, di chúc hoặc những giấy tờ xác nhận hợp pháp khác;
- bằng chứng về sự kiện tử vong như giấy khai tử, giấy chứng tử, biên bản tai nạn giao thông, biên bản giải phẫu pháp y (tuỳ trường hợp).

Công ty bảo lưu quyền yêu cầu cung cấp thêm các tài liệu hoặc bằng chứng bổ sung để trợ giúp cho việc giải quyết yêu cầu bồi thường. Chi phí cho việc cung cấp các giấy tờ này sẽ do người yêu cầu quyền lợi bảo hiểm chịu.

16.3 Thời hạn nộp yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Thời hạn nộp yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm là trong vòng 24 tháng kể từ ngày người được bảo hiểm chết.

Điều 17: Giám định y tế và pháp y

Công ty bảo lưu quyền yêu cầu giám định y tế đối với người được bảo hiểm do những người giám định được Công ty chỉ định hoặc chấp thuận tiến hành. Trong trường hợp tử vong, nếu thấy cần thiết và được pháp luật cho phép, Công ty có thể yêu cầu giám định pháp y.

Điều 18: Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Công ty có trách nhiệm giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ mà Công ty yêu cầu. Nếu việc chi trả quyền lợi bảo hiểm bị chậm trễ, tại thời điểm thanh toán, Công ty sẽ trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước Việt Nam qui định tương ứng với thời gian chậm trả.

Các quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả cho người thụ hưởng tại trụ sở của Công ty hay chi nhánh của Công ty hay qua bưu điện hay phương thức thích hợp nào khác.

Điều 19: Tình trạng hợp đồng bảo hiểm sau khi nhận quyền lợi bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt ngay khi Công ty trả đầy đủ quyền lợi bảo hiểm như qui định tại các qui tắc điều khoản của hợp đồng.

CHƯƠNG 6 GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp liên quan đến hợp đồng bảo hiểm này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên thì một trong các bên có quyền đưa ra toà án ở Việt Nam nơi Công ty có trụ sở chính hoặc nơi chủ hợp đồng cư trú hợp pháp giải quyết.